

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 3 NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/3/2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
	TỔNG SỐ (A+B)	289.058	1.473	0,51%	11.221.156	710.793	6,33%
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ	49.498	-	0,00%	1.194.884	81.329	6,81%
I	Tòa án nhân dân tối cao	-	-		60.000	119	0,20%
1	XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang	-	-		60.000	119	0,20%
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	-	-		25.400	3.201	12,60%
1	Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.	-	-		23.000	3.201	13,92%
2	XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	-	-		2.400	-	0,00%
III	Bộ Công An	-	-		30.000	5.619	18,73%
1	Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		14.000	5.619	40,13%
2	Trại tạm giam Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		16.000	-	0,00%
IV	Bộ Quốc phòng	-	-		138.675	1.626	1,17%
1	Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9	-	-		60.000	-	0,00%
2	Nha nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5\BQP	-	-		29.010	-	0,00%
3	Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)	-	-		2.000	-	0,00%
4	Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)	-	-		17.665	1.626	9,20%
5	Xây dựng 02 Đồn biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965)/Bộ chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang	-	-		30.000	-	0,00%
V	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-		70.000	70.000	100,00%
1	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du	-	-		70.000	70.000	100,00%
VI	Bộ Tư pháp	-	-		20.000	765	3,83%
1	Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	-	-		20.000	765	3,83%
VII	Bộ Tài chính	49.498	-	0,00%	-	-	
1	Chi cục thuế huyện An Minh	2.270	-	0,00%	-	-	
2	Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc	47.228	-	0,00%	-	-	
VIII	Bộ Giao thông Vận Tải	-	-		850.809	-	0,00%
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	-	-		145.029	-	0,00%
2	Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận	-	-		235.260	-	0,00%
3	Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận	-	-		235.260	-	0,00%
4	Dự án ĐTXD đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận	-	-		235.260	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	239.560	1.473	0,61%	10.026.272	629.464	6,28%
I	Dự án tỉnh quản lý	200.152	411	0,21%	5.880.219	206.569	3,51%
I.1	Sở Giáo dục và đào tạo quản lý	2.721	366	13,47%	71.677	848	1,18%
1	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Gò Quao	-	-		2.201	30	1,36%
2	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở An Biên	-	-		4.800	15	0,31%
3	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Châu Thành	1.156	-	0,00%	1.103	15	1,36%
4	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Hà Tiên	436	-	0,00%	1.200	228	18,96%
5	Nâng cấp sửa chữa trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở Giồng Riềng	1.128	366	32,48%	1.473	-	0,00%
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông	-	-		1.350	-	0,00%
7	7920309 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Văn Xiện, An Minh	-	-		1.000	-	0,00%
8	7920306 - Trường Trung học Phổ thông An Biên	-	-		700	-	0,00%
9	7920314 - Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang	-	-		450	-	0,00%
10	7920313 - Trường Tiểu học Phú Lợi	-	-		500	500	100,00%
11	7920307 - Trường Trung học Phổ thông Cây Dương	-	-		1.000	-	0,00%
12	Trường THPT An Thới	-	-		21.500	-	0,00%
13	ĐT XD công trình Trường THPT Phú Quốc	-	-		23.000	60	0,26%
14	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	-	-		5.400	-	0,00%
15	Trường TH Phạm Văn Hớn, huyện U Minh Thượng	-	-		1.500	-	0,00%
16	Xây mới 6 phòng học và cải tạo sửa chữa 12 phòng học Trường tiểu học thị trấn Giồng Riềng 1; xây mới 6 phòng học Trường THCS Mai Thị Hồng Hạnh, huyện Giồng Riềng	-	-		2.000	-	0,00%
17	Trường THCS và THPT Phan Thị Ràng, huyện Hòn Đất	-	-		2.500	-	0,00%
I.2	Sở Giao thông vận tải	-	-		570.000	32.792	5,75%
1	Dự án ĐT XD công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang, đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	-	-		270.000	15.372	5,69%
2	Dự án ĐT XD công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	-	-		300.000	17.420	5,81%
I.3	Sở Lao động TBXH	73.920	-		2.348	440	18,75%
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang	-	-		1.400	440	31,44%
2	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường trung cấp Việt-Hàn Phú Quốc	-	-		20	-	0,00%
3	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Tân Hiệp	-	-		200	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
4	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thành phố Hà Tiên	-	-		650	-	0,00%
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang	-	-		78	-	0,00%
6	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	73.920	-	0,00%	-	-	
I.4	Sở Văn hóa thể thao	-	-		122.384	35.119	28,70%
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	-	-		10.000	-	0,00%
2	ĐTXD quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, TP Phú Quốc	-	-		108.884	35.119	32,25%
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	-	-		3.500	-	0,00%
I.5	Sở Tài nguyên Môi trường	-	-		367.885	2.810	0,76%
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	-	-		367.885	2.810	0,76%
I.6	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	17.902	-	0,00%	237.150	2.315	0,98%
1	Tiểu dự án ĐTXD CSHT phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ NTTS An Minh, An Biên Kiên Giang thuộc DA chống chịu khí hậu tổng hợp và kinh kê bền vững đồng bằng công Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	-	-		4.000	315	7,87%
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên - An Minh - U Minh Thượng - Vĩnh Thuận	-	-		173.150	2.000	1,16%
3	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đất đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau	-	-		50.000	-	0,00%
4	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Dừa đến khu vực Kim Quy huyện An Minh	17.902	-	0,00%	-	-	
5	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025	-	-		10.000	-	0,00%
I.7	BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải	-	-		812.803	105.291	12,95%
1	Dự án ĐTXD công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				1.062		0,00%
2	Dự án ĐTXD công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn Quốc lộ 80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng				393		0,00%
3	Đầu tư xây dựng cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên				425		0,00%
4	Đầu tư xây dựng đường ven biển phía Tây đảo Phú Quốc				434		0,00%
5	Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				231		0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
6	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT 970 nối dài (từ cầu Tám Ngàn đến đường ven biển Hòn Đất - Kiên Lương)				232		0,00%
7	Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 63 (Thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				315		0,00%
8	Đầu tư xây dựng công trình Quốc lộ 80 (đoạn nút giao N1 - Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành - Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				248		0,00%
9	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch Giá - Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá (ranh giới Rạch Giá - Hòn Đất)				158		0,00%
10	Đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh thành phố Rạch Giá				183		0,00%
11	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				370		0,00%
12	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ Văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61 - đường 3/2)				165		0,00%
13	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng - An Minh - Vĩnh Thuận (QL 63 - ĐT 965 - Hành lang ven biển phía nam - ĐT 968)				339		0,00%
14	Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển kết nối cảng An Thới				500		0,00%
15	Đầu tư xây dựng công trình cầu trên đường ven biển kết nối từ An Biên - TP Rạch Giá				1.510		0,00%
16	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Hà Tiên				496		0,00%
17	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công Sự) - sông Cái Lớn (U Minh thượng)				296		0,00%
18	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - kết nối QL 63				245		0,00%
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL 80 - đường ven biển (Sóc Xoài) huyện Hòn Đất				201		0,00%
20	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng	-	-		31.000	3.817	12,31%
21	DA ĐTXD công trình Cảng hành khách RG, phường Vĩnh Thành - TP.RG tỉnh Kiên Giang	-	-		220.000	-	0,00%
22	DA ĐTXD công trình nâng cấp mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và Xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam Bắc	-	-		140.000	89.867	64,19%
23	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	-	-		29.000	-	0,00%
24	DA ĐTXD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	-	-		240.000	11.607	4,84%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
25	Nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188-700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km204+300 (nút giao QL N1, thành phố Hà Tiên)	-	-		100.000	-	0,00%
26	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT.	-	-		45.000	-	0,00%
1.8	BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành Dân dụng và Công nghiệp	105.564	-	0,00%	710.972	9.371	1,32%
1	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	-	-		31.500	120	0,38%
2	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp	-	-		1.000	-	0,00%
3	Cải tạo sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước	-	-		7.900	44	0,56%
4	Cải tạo, sửa chữa Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân tỉnh Kiên Giang	-	-		2.870	-	0,00%
5	Xây dựng trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh	-	-		3.370	-	0,00%
6	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)	-	-		1.000	-	0,00%
7	Trường THCS và THPT Minh Thuận	-	-		8.979	90	1,00%
8	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa	-	-		2.000	70	3,50%
9	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc	-	-		10.500	-	0,00%
10	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	-	-		20.400	521	2,56%
11	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất	-	-		12.500	90	0,72%
12	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	-	-		7.000	-	0,00%
13	Trường THPT Giồng Riềng	-	-		6.400	50	0,78%
14	Trường THPT Kiên Lương	-	-		10.000	806	8,06%
15	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 1	-	-		4.800	95	1,98%
16	Trường THCS Đông Hồ	-	-		10.000	-	0,00%
17	ĐTXD Trường Cao Đẳng Kiên Giang (cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị)	-	-		3.000	-	0,00%
18	Bệnh viện Sản Nhi	-	-		55.000	152	0,28%
19	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	-	-		178.500	63	0,04%
20	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	-	-		158.180	1.045	0,66%
21	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	-	-		141.443	-	0,00%
22	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sỹ huyện Gò Quao	-	-		7.380	-	0,00%
23	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	-	-		14.550	2.933	20,16%
24	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên	-	-		7.700	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
25	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Giang Thành	-	-		5.000	3.292	65,83%
26	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69.428	-	0,00%	-	-	
27	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36.136	-	0,00%	-	-	
1.9	Công an tỉnh	-	-		14.000	-	0,00%
1	Trụ sở làm việc công an các xã: Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc công an tỉnh Kiên Giang	-	-		5.000	-	0,00%
2	Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	-	-		9.000	-	0,00%
1.10	BCH quân sự tỉnh	-	-		101.692	9.872	9,71%
1	Dự án cải tạo, sửa chữa, nâng nền, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang	-	-		1.692	-	0,00%
2	Dự án xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang	-	-		100.000	9.872	9,87%
1.11	BCH bộ đội Biên phòng	-	-		96.498	-	0,00%
1	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)	-	-		700	-	0,00%
2	220190015 - Đồn Biên phòng CKC Hòn Chông	-	-		17.600	-	0,00%
3	Trạm kiểm soát biên phòng Đồi Mồi	-	-		11.900	-	0,00%
4	Trạm kiểm soát biên phòng Xẻo Nhàu	-	-		4.300	-	0,00%
5	220211129 - Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng	-	-		29.000	-	0,00%
6	Trạm kiểm soát biên phòng Hòn Nghê	-	-		2.998	-	0,00%
7	Dự án đồn biên phòng Xẻo Nhàu xã Tân Thạnh, huyện An Minh	-	-		30.000	-	0,00%
1.12	Văn phòng tỉnh ủy	-	-		48.444	1.682	3,47%
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao	-	-		1.499	651	43,45%
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh	-	-		1.497	745	49,77%
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải	-	-		5.448	-	0,00%
4	Xây dựng mới nhà làm việc cho các Ban của Tỉnh ủy	-	-		40.000	286	0,71%
1.13	TT nước sạch và VSMT nông thôn	-	-		114.582	6.028	5,26%
1	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	-	-		62.492	951	1,52%
2	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	-	-		600	446	74,27%
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	-	-		400	156	38,99%
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng	-	-		1.400	1.251	89,39%
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	-	-		700	635	90,77%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
6	Đầu tư mới trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang	-	-		8.500	1.475	17,36%
7	Trạm cấp nước ấp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận	-	-		20.000	-	0,00%
8	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái, huyện An Biên	-	-		10.490	559	5,33%
9	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận	-	-		10.000	554	5,54%
I.14	Ban Dân tộc	45	45	100,00%	-	-	
1	Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	45	45	100,00%	-	-	
I.14	UBND huyện An Minh	-	-		17.000	-	0,00%
1	Đường KT1	-	-		17.000	-	0,00%
I.15	Trường Cao đẳng Nghề	-	-		5.300	-	0,00%
1	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	-	-		5.300	-	0,00%
I.16	Ngân hàng Chính sách xã hội	-	-		45.000	-	0,00%
1	Cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				25.000		0,00%
2	Cho vay đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20.000		0,00%
I.17	Dự án chưa phân khai				2.542.484		0,00%
II	Huyện, Thành phố quản lý	39.409	1.062	2,69%	4.146.054	422.896	10,20%
1	Huyện Vĩnh Thuận	-	-		231.792	37.176	16,04%
2	Huyện Hòn Đất	63	-	0,00%	255.252	18.771	7,35%
3	Huyện Gò Quao	1.157	-	0,00%	260.760	8.205	3,15%
4	Huyện An Minh	9.035	889	9,84%	217.144	25.139	11,58%
5	Huyện Kiên Hải	-	-		88.302	10.270	11,63%
6	Huyện An Biên	1.455	131	9,03%	207.111	19.073	9,21%
7	Huyện Châu Thành	5.622	-	0,00%	141.211	22.562	15,98%
8	Huyện Kiên Lương	-	-		340.267	8.735	2,57%
9	Huyện Tân Hiệp	-	-		90.911	30.714	33,78%
10	Thành phố Phú Quốc	-	-		305.984	29.489	9,64%
11	Huyện Giồng Riềng	-	-		249.385	19.759	7,92%
12	Thành phố Hà Tiên	-	-		636.218	22.903	3,60%
13	Huyện U Minh Thượng	-	-		100.774	8.193	8,13%
14	Thành phố Rạch Giá	19.045	-	0,00%	883.371	151.253	17,12%
15	Huyện Giang Thành	3.032	41	1,36%	137.570	10.655	7,74%